

Số: 12/2019/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 03 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông An Văn Khoái.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST-VDS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “*Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 12/2019/QĐST-VDS ngày 23 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.**

+ *Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu:* Ông V Đình N - Chủ tịch UBND xã CLB.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của ông N:* Ông V Thế V - Cán bộ Tư pháp hộ tịch xã CLB.

Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh V Đức S, sinh ngày: 17/7/1979

+ Chị V Thị L, sinh ngày: 03/02/1985

ĐKKHKT đều ở: Thôn TK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình kiểm tra lý lịch và rà soát các tài liệu hồ sơ lưu giữ của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương như sau: UBND xã CLB phát hiện trường hợp anh V Đức S, sinh ngày 17/7/1979 và V Thị L, sinh ngày 03/02/1985; ĐKKHKT đều ở: Thôn TK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương kết hôn ngày 08 tháng 12 năm 2001 là trái pháp luật; Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình thì chị V Thị L, sinh ngày 03/02/1985 nhưng ngày 08/12/2001 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh V Đức S, khi đó chị L còn thiếu 01 tháng 27 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Do anh S và chị L đã khai chị L sinh ngày 04/02/1984 đồng thời việc kiểm

tra lý lịch của cán bộ tư pháp còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh S và chị L và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh V Đức S, sinh ngày 24/6/1979 (Chính xác anh S sinh ngày 17/7/1979 như trong các giấy tờ tùy thân khác) và chị V Thị L, sinh ngày 04/02/1984. UBND xã xác định việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn cho anh S và chị L là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh S và chị L nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến việc học hành, thi cử đối với các con của anh chị khi các tài liệu hồ sơ, năm sinh của mẹ không hợp nhau và các cháu không được làm các thủ tục đăng ký dự thi đại học vào các trường mình yêu thích. Hiện tại anh V Đức S và chị V Thị L vẫn chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Vì vậy UBND xã CLB đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn (Kèm Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 55 của UBND xã CLB cấp cho anh S và chị L ngày 08/12/2001). Bên cạnh đó, nếu anh S và chị L có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho hai anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh S và chị L trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã CLB. Tuy nhiên vào thời điểm đăng ký kết hôn, chị L chưa đủ tuổi kết hôn để được đăng ký kết hôn, anh S và chị L đã khai chị L sinh ngày 04/02/1984 nên được UBND xã đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 55 ngày 08/12/2001, anh S và chị L đã nhận thấy việc khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn là sai trái và vi phạm pháp luật. Việc UBND xã CLB yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (Kèm giấy đăng ký kết hôn cho anh chị năm 2001) anh chị đều nhất trí và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì, anh chị đã sinh được 03 con chung là V Thị Phương Thảo, sinh ngày 06/09/2002, V Tùng Lâm, sinh ngày 01/5/2010, V Thị Diệu Linh sinh ngày 20/11/2007, nên anh S và chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông V Kim Động - Chủ tịch UBND xã CLB thời điểm năm 2001 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh S và chị L thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của anh S và chị L nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 08/12/2001 (*Thời điểm đó chị L còn thiếu 01 tháng 27 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn*).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định; Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 9, 15, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân

Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Tuyên huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh S và chị L. Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 55 của UBND xã CLB cấp cho anh S và chị L ngày 08/12/2001.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V Đức S và chị V Thị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

+ Về lệ phí: Anh V Đức S và chị V Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh V Đức S và chị V Thị L đều có hộ khẩu thường trú tại thôn TK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. UBND xã CLB qua quá trình kiểm tra, rà soát đã phát hiện anh S và chị L kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện huỷ việc kết hôn trái pháp luật (*Kèm giấy chứng nhân đăng ký kết hôn của anh S và chị L năm 2001*), đồng thời trong quá trình giải quyết anh S và chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là UBND xã CB vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[3] Về nội dung yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật (*Kèm theo giấy chứng nhận kết hôn cấp cho anh S và chị L năm 2001*) của UBND xã CLB và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh S và chị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của chị L đã có đủ căn cứ chứng minh chị V Thị L, sinh ngày 03/02/1985. Vào ngày 08/12/2001, chị L đăng ký kết hôn với anh S nhưng vì chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai tăng tuổi chị L (Từ 03/02/1985 lên 04/02/1984) để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân, cán bộ đăng ký kết hôn là ông Động - Chủ tịch UBND xã CLB thời điểm đó đã đăng ký kết hôn cho anh S và chị L tại giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 55 ngày 08/12/2001 thể hiện anh V Đức S, sinh ngày 24/6/1979 (*Chính xác anh S sinh ngày 17/7/1979 như trong các giấy tờ tùy thân khác*) và chị V Thị L, sinh ngày 04/02/1984.

Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã CLB yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (*Kèm theo giấy chứng nhận kết hôn cấp cho anh S và chị L ngày 08/12/2001*) là có căn cứ chấp nhận theo Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi đăng ký kết hôn anh S và chị L đã chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung gồm: V Thị Phương Thảo, sinh ngày 06/09/2002, V Tùng Lâm, sinh ngày 01/5/2010, V Thị Diệu Linh sinh ngày 20/11/2007; Quá trình chung sống, anh S và chị L không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh V Đức S và chị V Thị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, 15, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật kèm Giấy chứng nhận kết hôn số: số 01, quyển số 55 ngày 08/12/2001 cấp cho vợ chồng anh S và chị L của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh V Đức S và chị V Thị L.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V Đức S, sinh ngày 17/7/1979 và chị V Thị L, sinh ngày 03/02/1985 kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2002*); Anh V Đức S và chị V Thị L có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

+ UBND xã CLB không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

+ Anh V Đức S và chị V Thị L phải nộp số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0002988 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh S, chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố Quyết định; UBND xã CLB có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Người yêu cầu: UBND xã CLB;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

An Văn Khoái